

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2010

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN

Số:.....

Ngày:.....

Chuyển:.....

NGHỊ ĐỊNH

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư bổ sung của Nhà nước dành cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nhà đầu tư nhận ưu đãi và hỗ trợ quy định tại Nghị định này là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn của phường, quận thuộc thị xã, thành phố.

2. Lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư bao gồm những ngành, nghề được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và những ngành, nghề khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

3. Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư.

4. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư.

5. Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được thực hiện tại vùng nông thôn.

Điều 4. Điều kiện áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư quy định tại Điều 3 Nghị định này được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Nghị định này.

2. Nhà đầu tư có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định này nếu đã triển khai thực hiện dự án trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ (nếu có) cho thời gian còn lại; Nhà nước không hoàn trả các khoản tiền nhà đầu tư đã nộp để thực hiện dự án trước đó.

Chương II ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 5. Miễn, giảm tiền sử dụng đất

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu được nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư đó.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư thì được giảm 70% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nếu được nhà nước giao đất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

Điều 6. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nếu thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thì được thuê với mức giá thấp nhất theo khung giá thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

4. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

5. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở tập thể cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

Điều 7. Hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để tiến hành dự án đầu tư đó thì được Nhà nước hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo khung giá đất, mặt nước của địa phương cho 5 năm đầu tiên kể từ khi hoàn thành xây dựng cơ bản.

2. Khuyến khích doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư tích tụ đất hình thành vùng nguyên liệu thông qua hình thức hộ gia đình, cá nhân góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với các dự án không thu hồi đất.

Điều 8. Miễn, giảm tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã phê duyệt được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã phê duyệt được giảm 50% tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.

Chương III HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 9. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo nghề trong nước, mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước, mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo nghề trong nước, mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

4. Mỗi lao động chỉ được đào tạo tối đa một lần/năm và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng.

Khoản tiền hỗ trợ được ngân sách nhà nước cấp cho các cơ sở dạy nghề của tỉnh để đào tạo cho các doanh nghiệp nói tại Điều này có nhu cầu hoặc trực tiếp cấp cho doanh nghiệp trong trường hợp đào tạo tại chỗ.

Điều 10. Hỗ trợ phát triển thị trường

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và thành phố nơi doanh nghiệp đầu tư.

2. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh và thành phố nơi doanh nghiệp đầu tư.

3. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí triển lãm hội chợ trong nước; được miễn phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của nhà nước.

4. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường, giá cả dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước.

Điều 11. Hỗ trợ dịch vụ tư vấn

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí tư vấn thực tế để thuê tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý, tư vấn nghiên cứu thị trường, tư vấn luật pháp, tư vấn về sở hữu trí tuệ, tư vấn nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất nhưng không vượt quá các mức theo quy định hiện hành.

2. Doanh nghiệp vừa có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% kinh phí tư vấn thực tế để thuê tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý, tư vấn nghiên cứu thị trường, tư vấn luật pháp, tư vấn về sở hữu trí tuệ, tư vấn nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất nhưng không vượt quá các mức theo quy định hiện hành.

Điều 12. Hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được Quỹ Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án; hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không tính trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí).

Điều 13. Hỗ trợ cước phí vận tải

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần cước phí vận tải hàng hóa là sản phẩm đầu ra là hàng hóa tiêu thụ trong nước của dự án đó từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ, nếu khoảng cách từ nơi sản xuất tới nơi tiêu thụ từ 100 km trở lên.

2. Phần kinh phí được hỗ trợ là 50% cước phí vận tải thực tế, nhưng không quá 500.000.000 VNĐ/doanh nghiệp/năm. Dự án đầu tư chỉ được hỗ trợ kinh phí sau khi có đầy đủ chứng từ, vận đơn hợp lệ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2010.

Điều 15. Trách nhiệm hướng dẫn thực hiện

Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./


Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (Sb).N 290

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

**Phụ lục**
DANH MỤC CÔNG VIỆC NÔNG NGHIỆP ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ
theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP
ngày 6 năm 2010 của Chính phủ)

1. Trồng, chăm sóc rừng, cây dược liệu.
2. Nuôi trồng nông, lâm, thủy sản trên đất hoang hoá, vùng nước chưa được khai thác, trên biển, trên hải đảo.
3. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy, hải sản.
5. Sản xuất, khai thác, tinh chế muối.
6. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, thoát nước.
7. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh, thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản, thuốc thú y.
8. Xây dựng chợ loại 1, khu triển lãm giới thiệu sản phẩm tại vùng nông thôn.
9. Ứng dụng công nghệ sinh học.
10. Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
11. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia cầm, gia súc tập trung, công nghiệp.
12. Chế biến nông, lâm, thủy sản; bảo quản nông, lâm sản, thủy sản sau thu hoạch.
13. Thủy điện vừa và nhỏ (quy mô đến nhóm B); dự án năng lượng mới: điện mặt trời, điện gió, khí sinh vật, địa nhiệt, thủy triều; năng lượng tái tạo không phân biệt quy mô.
14. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường.
15. Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn; tái chế, tái sử dụng chất thải.
16. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp - nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống cộng đồng nông thôn; xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

17. Sản xuất máy phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.

18. Xây dựng: khu du lịch sinh thái, khu du lịch quốc gia; khu công viên văn hóa có các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

19. Phát triển và ươm tạo công nghệ cao.

20. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến.

21. Chăn nuôi, sản xuất gia cầm, gia súc tập trung.

22. Xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại: siêu thị, trung tâm thương mại, kho, trung tâm logistics.

23. Dịch vụ kỹ thuật trồng cây công nghiệp, cây lâm nghiệp; dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

24. Dịch vụ tư vấn khoa học, kỹ thuật về gieo trồng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y, bảo vệ thực vật.

25. Dịch vụ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh ở vùng nông thôn.

26. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.

27. Sản xuất giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước; sản xuất bột giấy.

28. Dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất tơ, sợi các loại; thuộc da, sơ chế da; sản xuất thiết bị máy móc cho ngành dệt, ngành may, ngành da./.